TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 06-5-2020
V/v tranh chấp ly hôn,
chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Cao

Các Thẩm phán:

Bà: Võ Thị Mỹ Hạnh

Bà: Đoàn Thị Trang

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Duy Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03/01/2020 về "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung". Do bản án sơ thẩm số 1146/2019/HNGĐ-ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 893/2020/QĐ-PT ngày 25/02/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 2819/2020/QĐ-PT ngày 18/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3306/2020/QĐ-PT ngày 14/4/2020 (do phòng chống dịch bệnh Covid-19), giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diệp L, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Đường T, Khu phố W, phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Đường A, khu phố E, phường Đ, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Sơn C, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Đường T, Khu phố W, phường T, Quận P, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Đường C, Khu phố P, phường Đ, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường C, Phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng cáo của ông Trịnh Sơn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05-6-2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Diệp L trình bày:

Bà và ông Trịnh Sơn C tự nguyện kết hôn năm 2008 và đã được UBND phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09-5-2008. Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông C chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Ông C thay đổi cách sống thường kiếm chuyện gây cãi với bà. Đến đầu năm 2018, bà phát hiện ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên bà tự sống ly thân ông C và bà dẫn hai người con về nhà cha, mẹ ruột của bà ở số 39/1A, tổ 9, khu phố 4, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12 sinh sống cho đến nay. Bà không còn tình cảm với ông C, bà yêu cầu ly hôn ông C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có hai người con tên Trịnh Tường V (Nữ), sinh ngày 09-6-2009 và Trịnh Sơn S (Nam), sinh ngày 30-01-2012. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai trẻ và bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Năm 2008, bà và ông C mua đất cất nhà mang số 26/6/6 đường ĐHT09, khu phố 4, phường Đông Thuận Hưng, Quận 12 cho đến ngày 26-6-2017, thì bà và ông C được UBND Quận 12 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu và năm 2018 bà và ông C bán nhà, đất trên. Sau khi bán nhà, bà và ông C gửi số tiền bán nhà vào hai sổ tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn, cụ thể:

- Ngày 14-5-2018, gửi số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) vào Sổ tiết kiệm Số AD00006867323, Tài khoản số 6320683255310 do ông Trịnh Sơn C đứng tên chủ tài khoản. Sau khi bà khởi kiện ly hôn thì ông C đã tự ý rút hết số tiền gửi tiết kiệm của tài khoản này.

- Ngày 15-5-2018, gửi số tiền 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng) vào Sổ tiết kiệm Số AD00006867348, Tài khoản số 6320682255753 do bà và ông Trịnh Sơn C đứng tên chủ tài khoản.

Tổng cộng số tiền gửi Ngân hàng nêu trên là 4.600.000.000 đồng, bà L yêu cầu chia đôi số tiền này, bà và C mỗi người được sở hữu ½ là 2.300.000.000 đồng.

- Ngoài ra, bà L còn khai: Ông C còn cất giữ số tiền mặt 300.000.000 đồng, bà yêu cầu chia đôi mỗi người ½, nhưng sau đó, bà L rút lại yêu cầu tranh chấp số tiền này.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà L khai không có.

Bị đơn là ông Trịnh Sơn C đã được cấp sơ thẩm triệu tập tham gia tố tụng nhưng ông C không tham gia và cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông C theo thủ tục chung.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

* Bà Bùi Thị Đ trình bày: Vợ chồng bà L, ông C kẹt tiền và nói bà hùn một phần vốn để mua một thửa đất mà vợ chồng ông C đã mua trước đó. Sau đó, vợ chồng bà L xây dựng nhà trên đất là căn nhà mang số 26/6/6 đường ĐHT09, khu phố 4, phường Đông Thuận Hưng, Quận 12 và đến năm 2017, thì vợ chồng bà L, bán nhà này và đã thanh toán xong cho bà tiền hùn vốn. Việc vợ chồng bà L, ông C ly hôn tranh chấp tài sản không liên quan đến bà, bà không có yêu cầu gì trong vụ án, bà từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Theo kết quả trả lời xác minh của Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn ngày 07-01-2019 thì:

- Ông Trịnh Sơn C có đứng tên Sổ tiết kiệm Số AD00006867323 ngày 14-5-2018, Tài khoản số 6320683255310, số tiền gửi 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Ngày mở sổ là ngày 14-5-2018. Ngày đóng sổ là ngày 14-6-2018, số dư tại thời điểm đóng sổ kiết kiệm là 2.006.964.400 đồng.

- Bà Nguyễn Diệp Thị L và ông Trịnh Sơn C đang đứng tên đồng sở hữu Sổ tiết kiệm Số AD00006867348 ngày 15-5-2018, Tài khoản số 6320682255753, số tiền gửi 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng). Ngày mở sổ 15-5-2018. Số dư hiện tại 2.665.358.400 đồng.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1146/2019/HNGĐ-ST ngày 22-8-2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

* Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diệp L được ly hôn ông Trịnh Sơn C.

2. Về con chung: Giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Trịnh Tường V (Nữ), sinh ngày 09-6-2009 và Trịnh Sơn S (Nam), sinh ngày 30-01-2012 cho đến khi các trẻ thành niên. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông C cho đến khi bà L có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Diệp L yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với ông Trịnh Sơn C, cụ thể: Số tiền 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng) của bà Nguyễn Thị Diệp L và

ông Trịnh Sơn C gửi Sổ tiết kiệm Số AD00006867348, Tài khoản số 6320682255753 ngày 15-5-2018 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn do bà Lài và ông Ca đứng tên chủ tài khoản được phân chia theo phần như sau:

3.1. Bà Nguyễn Thị Diệp L được quyền sở hữu số tiền 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng). Số tiền còn lại 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi, tiền lãi phát sinh thì thuộc về quyền sở hữu của ông Trịnh Sơn C.

3.2. Bà Nguyễn Thị Diệp L và ông Trịnh Sơn C được quyền liên hệ với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn để được sở hữu số tiền theo phần nêu trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Ghi nhận sự tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diệp L. Bà L không yêu cầu chia số tiền mặt 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) ông C đang giữ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên người chịu án phí sơ thẩm, quyền thỏa thuận thi hành án... và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20-9-2019, ông Trịnh Sơn C kháng cáo bản án sơ thẩm như sau: Cấp sơ thẩm không tống đạt, triệu tập ông tham gia đầy đủ khi giải quyết vụ án. Ông đồng ý ly hôn bà L nếu ông được trực tiếp nuôi hai người con chung; về tài sản chung, nếu bà L đồng ý chia cho ông 1/2 số tiền còn lại đang gửi Ngân hàng (ông nhận 1.300.000.000 đồng) thì ông không yêu cầu hủy án về phần chia tài sản chung, vì ông là người đóng góp công sức nhiều hơn bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông C rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo và bà L đồng ý chịu thay cho ông C số tiền án phí sơ thẩm mà ông C phải nộp là 15.000.000 đồng (án phí chia tài sản chung).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án: Tại phiên tòa ông C rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, còn bà L thì đồng ý chịu thay án phí sơ thẩm cho ông C. Đề nghị cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu kháng cáo của ông C và sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 78, quyển số 01/2008 ngày 09-5-2008 của UBND phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Diệp L, ông Trịnh Sơn C đã đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa bà L, ông C là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi cấp sơ thẩm xét xử thì ông Trịnh Sơn C kháng cáo bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trịnh Sơn C tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, xét thấy: Ông C tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo phù hợp với pháp luật quy định nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Ca.

[3] Tại phiên tòa, bà L và ông C thỏa thuận: Bà L chịu án phí sơ thẩm thay cho ông C số tiền 15.000.000 đồng; xét thấy, sự thỏa thuận giữa các bên phù hợp với pháp luật quy định nên Hội đồng xét xử Công nhận sự thỏa thuận này.

Từ những phân tích trên, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần án phí; lời đề nghị của Viện kiểm sát được chấp nhận.

Về án phí: Các đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 293 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng: Các Điều 35, 51, 56, 57, 58. 59, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng: Điều 12 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Sơn C về các mối quan hệ: Hôn nhân, con chung và tài sản chung.

3. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diệp L được ly hôn ông Trịnh Sơn C.

- Giấy chứng nhận kết hôn số số 78, quyển số 01/2008 ngày 09-5-2008 của UBND phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà L và ông C không còn giá trị pháp lý.

4. Về con chung: Giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Trịnh Tường V (Nữ), sinh ngày 09-6-2009 và Trịnh Sơn S (Nam)

sinh ngày 30-01-2012 cho đến khi các trẻ thành niên. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông C cho đến khi bà L có yêu cầu.

* Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

* Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

5. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Diệp L yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông Trịnh Sơn C, cụ thể: Số tiền 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng) của bà Nguyễn Thị Diệp L và ông Trịnh Sơn C gửi Sổ tiết kiệm số AD00006867348, Tài khoản số 6320682255753 ngày 15-5-2018 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn do bà L và ông C đứng tên chủ tài khoản được phân chia theo phần như sau:

5.1. Bà Nguyễn Thị Diệp L được quyền sở hữu số tiền 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng). Số tiền còn lại 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi, tiền lãi phát sinh thì thuộc về quyền sở hữu của ông Trịnh Sơn C.

5.2. Bà Nguyễn Thị Diệp L và ông Trịnh Sơn C được quyền liên hệ với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn để được quyền sở hữu số tiền theo phần đã được phân chia nêu trên, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Ghi nhận sự tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diệp L. Bà L không yêu cầu chia số tiền mặt 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) ông C đang giữ.

7. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà L và ông C khai không có.

8. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trịnh Sơn C và bà Nguyễn Thị Diệp L về phần án phí sơ thẩm, cụ thể: Bà L chịu án phí sơ thẩm thay cho ông C số tiền 15.000.000 đồng phần của ông C phải chịu (án phí chia tài sản chung).

9. Về án phí sơ thẩm:

- Bà L phải chịu tổng cộng 93.300.000 đồng gồm: 300.000 đồng (án phí ly hôn) và 78.000.000 đồng (án phí chia tài sản chung) và 15.000.000 đồng phần án phí chia tài sản chung của ông C, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 40.500.000 đồng của bà L đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số AA/2017/0036617 ngày 07-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12. Bà L còn phải nộp 52.800.000 đồng (Năm mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

10. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho ông C số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2019/0008174 ngày 24-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12.

11. Thi hành án tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

12. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

13. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận 12, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 12, TP.HCM;
- UBND phường Tân Thới Hiệp, Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Cao